

Số: /KH-SDTTG

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai, thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035 của Sở Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 05/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về triển khai, thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Sở Dân tộc và Tôn giáo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Sở Dân tộc và Tôn giáo trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 05/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; góp phần phục vụ cải cách hành chính, phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số tại địa phương.

Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; phát huy tối đa vai trò của các chức sắc, chức việc tôn giáo và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm lan tỏa hiệu quả Đề án.

2. Yêu cầu

- Bám sát định hướng của Trung ương, của tỉnh, các Chiến lược phát triển kinh tế số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Chiến lược an ninh mạng và các văn bản chỉ đạo, chương trình, đề án quốc gia khác liên quan, vận hành Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc “5-3-3-2-1” (5 trụ cột trọng tâm: pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở 3 cấp chính quyền; hướng đến 3 giá trị cốt lõi: văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng, chống tội phạm; 2 nhóm chủ thể đồng hành: nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động

sáng tạo; 1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu trong toàn hệ thống), bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực chất.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

- Tăng cường phối hợp giữa các phòng chuyên môn thuộc Sở và giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo với các sở, ngành, địa phương có liên quan bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng các quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chung trên toàn quốc theo Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến năm 2030 đảm bảo người dân, tổ chức, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là TTHC) theo địa giới hành chính.

Phối hợp xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu “Đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030:

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Dân tộc và Tôn giáo (lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và chính sách dân tộc) được số hóa và đồng bộ về kho dữ liệu công dân trên VNeID, giảm tỷ lệ yêu cầu xuất trình giấy tờ giấy.

- Phối hợp thực hiện việc xây dựng, số hóa và đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành theo Nghị định 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025.

- 100% người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và các chức sắc, chức việc, người đứng đầu các cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh được cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2, được tập huấn kỹ năng số cơ bản và an toàn thông tin mạng.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2035

- 100% các giao dịch, thủ tục đăng ký hoạt động tôn giáo, bổ nhiệm chức sắc, kê khai thông tin chính sách của đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện

hoàn toàn trực tuyến, cá nhân hóa theo từng nhu cầu thực tế trên môi trường số. Xóa bỏ hoàn toàn khoảng cách địa giới hành chính và rào cản giấy tờ.

- CSDL chuyên ngành tôn giáo, tín ngưỡng và dân tộc được liên thông hoàn toàn, vận hành tự động theo thời gian thực (real-time). Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để dự báo chính xác các biến động về lao động di cư là người dân tộc thiểu số, nhu cầu an sinh xã hội và xu hướng hoạt động tín ngưỡng để hỗ trợ hiệu quả công tác hoạch định chính sách của tỉnh.

- Toàn bộ đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc và tín đồ tôn giáo tại Bắc Ninh có năng lực số vững vàng, chủ động sử dụng danh tính điện tử an toàn để tiếp cận các chính sách hỗ trợ, giáo dục số và dịch vụ y tế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật và rà soát thủ tục hành chính (TTHC)

Tham mưu sửa đổi các quy trình tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động tôn giáo, bổ nhiệm chức sắc, cấp phép cải tạo cơ sở thờ tự,... hướng tới cắt giảm thành phần hồ sơ trùng lặp đã có trong thẻ Căn cước hoặc tài khoản VNeID.

Phối hợp với Sở Tư pháp đề xuất sửa đổi các quy định pháp lý địa phương nhằm tạo cơ chế ưu tiên, khuyến khích người dân, tổ chức tôn giáo thực hiện TTHC trực tuyến.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Sở.

Đơn vị phối hợp: Phòng Tôn giáo.

2. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái, dữ liệu chuyên ngành

Chuẩn hóa dữ liệu quản lý nhà nước về tôn giáo và dân tộc, đảm bảo tiêu chuẩn dữ liệu "Đúng, đủ, sạch, sống".

Đối với lĩnh vực Tôn giáo: Thực hiện kiểm kê, số hóa hồ sơ thông tin của toàn bộ chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tổ chức tôn giáo trực thuộc và cơ sở thờ tự trên địa bàn tỉnh.

Đối với lĩnh vực Dân tộc: hệ thống hóa dữ liệu về các dân tộc thiểu số, thành phần các dân tộc.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Sở.

Đơn vị phối hợp: Phòng Công tác dân tộc; Phòng Chính sách; Phòng Tôn giáo.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn và phổ cập kỹ năng số cho đồng bào dân tộc, tôn giáo

Phát huy vai trò của người có uy tín: Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng số chuyên biệt, hướng dẫn cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và "người có uy tín" trong đồng bào dân tộc thiểu số. Từ đó, sử dụng lực lượng này làm hạt nhân tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho tín đồ và người dân trong cộng đồng bản địa.

Tuyên truyền trực quan: Thiết kế các tài liệu hướng dẫn chuyển đổi số, cảnh báo tội phạm công nghệ cao, lừa đảo trực tuyến bằng hình thức trực quan (infographic, video ngắn) phù hợp với văn hóa của từng nhóm đối tượng; lồng ghép phát tờ rơi tại các cơ sở thờ tự và các ngày lễ trọng của các tôn giáo (Lễ Phật Đản, Lễ Giáng sinh, các lễ hội truyền thống địa phương) và các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử, Fanpage của Sở.

Phối hợp với Công an địa phương và Tổ công nghệ số cộng đồng lập các "Trạm hỗ trợ công dân số di động" tại các xã vùng nông thôn, các khu nhà trọ công nhân có đông đồng bào dân tộc thiểu số để trực tiếp cài đặt, kích hoạt VNeID mức độ 2 cho người dân.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Sở.

Đơn vị phối hợp: Phòng Công tác dân tộc; Phòng Chính sách; Phòng Tôn giáo.

4. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

Thực hiện chuẩn hóa thông tin người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thụ hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của Trung ương và tỉnh Bắc Ninh.

Phối hợp với BHXH tỉnh, Sở Nội vụ và hệ thống ngân hàng thương mại tiến hành đăng ký tài khoản định danh, tài khoản liên kết ngân hàng trên VNeID để triển khai 100% phương thức chi trả phụ cấp, quà tặng, trợ cấp ưu đãi không dùng tiền mặt.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Sở.

Đơn vị phối hợp: Phòng Công tác dân tộc; Phòng Chính sách; Phòng Tôn giáo.

5. Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm đầu cuối chuyên dụng bảo mật đạt chuẩn quốc gia cho cán bộ trực tiếp xử lý dữ liệu.

100% cán bộ, công chức của Sở được tập huấn về Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, không để xảy ra tình trạng lộ lọt thông tin cá nhân của các tín đồ, chức sắc, chức việc và đồng bào dân tộc thiểu số.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Sở.

Đơn vị phối hợp: Phòng Công tác dân tộc; Phòng Chính sách; Phòng Tôn giáo.

6. Kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

- Kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các Phiên họp hàng tháng.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Sở.

Đơn vị phối hợp: Phòng Công tác dân tộc; Phòng Chính sách; Phòng Tôn giáo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở: Căn cứ Kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung liên quan. Phối hợp với các phòng liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả theo yêu cầu.

2. Văn phòng Sở: Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này tại các phòng chuyên môn thuộc Sở; định kỳ tổng hợp, tham mưu báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cá nhân, phòng chuyên môn phản ánh qua Văn phòng tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Công an tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đảng uỷ Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đào Thu Hà

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu	Văn phòng	Các phòng chuyên môn thuộc Sở	Thường xuyên
2	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID	Văn phòng	Các phòng chuyên môn thuộc Sở	Thường xuyên
3	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công đề đề xuất sửa đổi, bổ sung để khuyến khích phát triển công dân số	Phòng Chính sách	Các phòng chuyên môn thuộc Sở	Thường xuyên
4	Công bố các trường thông tin trong CSDL được khai thác và hướng dẫn phương thức, quy trình kết nối chia sẻ, khai thác, sử dụng để thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.	Văn phòng	Các phòng chuyên môn thuộc Sở	Thường xuyên
5	Triển khai tham gia các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng "bình dân học vụ số"	Văn phòng	Các phòng chuyên môn thuộc Sở	Theo hướng dẫn, chỉ đạo
6	Phối hợp phát triển ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyên đổi số, phát triển công dân số: (1) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (2) Định danh xác thực điện tử; (3) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết	Văn phòng	Các phòng chuyên môn thuộc Sở	Thường xuyên

	thủ tục hành chính; (4) Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (5) Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân; (6) Các tiện ích khác.			
--	--	--	--	--